

Số: 10/2008/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 18 tháng 6 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG VÀ MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ CÁN BỘ Ở ẤP, KHU VỰC; LỰC LƯỢNG CÔNG AN, QUÂN SỰ THƯỜNG TRỰC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; ĐỘI HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TÌNH NGUYỆN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ về Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2004/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 5 năm 2004 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2003/TTLT-BLĐTBXH-BTC-UBMTTQ VN ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính,

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của đội hoạt động xã hội tình nguyện cấp xã;

Theo Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định số lượng và mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và cán bộ ở ấp, khu vực; lực lượng công an, quân sự thường trực tại xã, phường, thị trấn; Đội hoạt động xã hội tình nguyện xã, phường, thị trấn;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Quy định số lượng và mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và cán bộ ở ấp, khu vực cụ thể như sau:

1. Số lượng và mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách tại xã, phường, thị trấn:

a) Số lượng cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn không quá mười chín người cho mỗi đơn vị.

b) Mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn:

- Trưởng Ban Tổ chức Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo được hưởng phụ cấp 540.000 đồng/người/tháng;

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Phó Trưởng Công an, Phó Chỉ huy Trưởng Quân sự, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh được hưởng phụ cấp 520.000 đồng/người/tháng;

- Cán bộ phụ trách Văn phòng Đảng ủy, Cán bộ phụ trách kế hoạch - giao thông - thủy lợi - nông nghiệp, Cán bộ phụ trách nội vụ - lao động - thương binh và xã hội, Cán bộ phụ trách dân số - gia đình và trẻ em, Cán bộ phụ trách đài truyền thanh, Cán bộ phụ trách quản lý nhà văn hóa, Cán bộ thủ quỹ - văn thư - lưu trữ được hưởng phụ cấp 500.000 đồng/người/tháng.

2. Số lượng và mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở ấp, khu vực:

a) Số lượng không quá năm cho mỗi ấp, khu vực.

b) Mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở ấp, khu vực:

- Bí thư Chi bộ, Trưởng ấp, khu vực hoặc Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng ấp, khu vực được hưởng phụ cấp 400.000 đồng/người/tháng;

- Phó Trưởng ấp, khu vực (những ấp, khu vực có trên 1.500 dân có thể được bổ trí thêm một Phó Trưởng ấp, khu vực) được hưởng phụ cấp 380.000 đồng/người/tháng;

- Công an viên ở ấp được hưởng phụ cấp 350.000 đồng/người/tháng.

Điều 2.

Số lượng và mức sinh hoạt phí hàng tháng đối với các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và cán bộ ở ấp, khu vực theo yêu cầu của địa phương, tạm thời được bổ trí thêm một số chức danh và mức sinh hoạt phí cụ thể như sau:

1. Đối với xã, phường, thị trấn có năm chức danh, bao gồm:

- Trưởng Ban Dân vận được hưởng mức sinh hoạt phí 540.000 đồng/người/ tháng;

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc được hưởng mức sinh hoạt phí 520.000 đồng/người/tháng;

- Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Cán bộ phụ trách Công đoàn - Thi đua, Cán bộ phụ trách xóa đói giảm nghèo được hưởng mức sinh hoạt phí 500.000 đồng/người/tháng.

2. Đối với ấp, khu vực có bảy chức danh, bao gồm:

- Trưởng ban công tác Mặt trận ấp, khu vực được hưởng mức sinh hoạt phí 380.000 đồng/người/tháng;

- Cán bộ phụ trách Hội Nông dân, Cán bộ phụ trách Hội Cựu chiến binh, Cán bộ phụ trách Phụ nữ, Bí thư Chi đoàn Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Cán bộ phụ trách Hội Người cao tuổi, Cán bộ phụ trách Hội Chữ thập đỏ ấp, khu vực được hỗ trợ hoạt động phí 200.000 đồng/người/tháng.

Điều 3.

Số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Công an, Quân sự thường trực tại xã, phường, thị trấn:

1. Lực lượng Công an thường trực tại xã, thị trấn (hoặc nơi chưa bố trí được lực lượng Công an chính quy) tối đa bảy người được hưởng phụ cấp 500.000 đồng/ người/tháng.

2. Lực lượng Quân sự thường trực tại xã, phường, thị trấn tối đa mười người được hưởng phụ cấp 500.000 đồng/người/tháng.

Điều 4.

Số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với Đội hoạt động xã hội tình nguyện xã, phường, thị trấn:

1. Mỗi xã, phường, thị trấn được thành lập Đội hoạt động xã hội tình nguyện từ ba đến năm người, gồm Đội trưởng, Đội phó và Đội viên.

2. Phụ cấp cho Đội hoạt động xã hội tình nguyện xã, phường, thị trấn:

- Đội trưởng được hưởng 180.000 đồng/người/tháng;
- Đội phó được hưởng 150.000 đồng/người/tháng;
- Đội viên được hưởng 100.000 đồng/người/tháng.

3. Đội hoạt động xã hội tình nguyện xã, phường, thị trấn được hỗ trợ kinh phí hoạt động 200.000 đồng/tháng/đội.

Điều 5.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 76/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định số lượng và mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách, lực lượng công an, quân sự và số lượng, mức sinh hoạt phí đối với chức danh khác ở xã, phường, thị trấn, cán bộ ở ấp, khu vực./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Tấn Quyền